

Số: 2205/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**  
**NĂM 2017**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.
- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : VNBC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101700 cấp lần thứ 11 ngày 30/9/2015 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh
- Vốn điều lệ : 369.991.240.000 đồng (Ba trăm sáu chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2017): 481.055.780.680 đồng (Bốn trăm tám mươi một tỷ, không trăm năm mươi năm triệu, bảy trăm tám mươi ngàn, sáu trăm tám mươi đồng).
- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại : (84.0203) 3825 220
- Fax : (84.0203) 3625 270
- Website : www.nuibeo.com.vn
- Email : giaodich@nuibeo.com.vn
- Mã cổ phiếu : NBC

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

a) Việc thành lập:

- Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin, tiền thân là Mỏ than Núi Béo được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thoả thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lâm; Phía Nam giáp đường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ lượng than trong biên giới khai thác mỏ là:  $\approx 32$  triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m<sup>3</sup> và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 m<sup>3</sup>/tấn. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Via 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Via 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Via 14 Công ty đã xúc gầu đất đầu tiên.

*Đi*

*\* Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*

- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chỉ vèn vện có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác được hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại tưởng như không thể vượt qua, đó là tình hình chất lượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gập via than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra được cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Via 14 để quay sang mở via, tập trung khai thác ở khu vực Via 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị trường tiêu thụ và công tác đầu tư nên giai đoạn 1989 - 1995 mỏ hầu như không phát triển được. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản lượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng  $\approx$  30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tưởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

*\*Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:* Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng Công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Ủy ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là bước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomín thực sự có những bước tiến phát triển vượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt được năm sau cao hơn năm trước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần: Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2006. Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Công ty niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là: "NBC".

d) Tăng vốn điều lệ: Công ty đã 04 lần tăng vốn điều lệ, từ 60 tỷ đồng vốn điều lệ ban đầu lên 370 tỷ đồng (Số làm tròn) như hiện nay. Trong đó: <sup>(1)</sup>Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn tích lũy (280 tỷ đồng), phát hành chứng khoán, bán cho các cổ đông hiện hữu (30 tỷ đồng).

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác và thu gom than non (0520).
- Xây dựng công trình công ích (4220).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).
- Khai thác và thu gom than cứng (0510).
- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).
- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).
- Khai thác quặng sắt (mã 0710).
- Khai thác và thu gom than bùn (0892).
- Xây dựng nhà các loại (4100).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)
- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).
- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).
- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).
- Sửa chữa thiết bị điện (3314).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).
- Sửa chữa thiết bị khác (3319).
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).

- Công ty hoạt động SXKD trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thực hiện khai thác than trên cơ sở giấy phép khai thác khoáng sản được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp;

- Công ty sử dụng các nguồn nguyên vật liệu tiết kiệm hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Dùng vận hành thiết bị khai thác, vận tải phục vụ sản xuất;

- Dầu Diezen: 10.665 Tấn;

- Xăng: 61,8 Tấn;

- Điện năng: 23.775.000 kWh

b) Các giải pháp và kết quả đạt được

STT	Giải pháp tiếp kiệm năng lượng đã áp dụng	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được
1	Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	Giúp cho mọi người nhận thức được cần phải sử dụng tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm 10.636 kWh với giá trị 15,7 triệu đồng
2	Giải pháp thay đèn huỳnh quang chiếu sáng đầu đường, chiếu sáng đường vận chuyển, bằng đèn Led	Đảm bảo ánh sáng cho đầu đường đổ than, đất và đảm bảo ánh sáng cho đường vận chuyển tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm 10.636 kWh với giá trị 15,7 triệu đồng

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

- Nguồn cung cấp: Nước máy của thành phố Hạ Long

- Lượng nước sử dụng trung bình ngày: 156 m<sup>3</sup>

- Lượng nước tái chế và sử dụng: 112,5 m<sup>3</sup>/ngày.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Không.

- Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Không

- Công ty luôn thực hiện theo đúng, đủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như: Quan trắc môi trường định kỳ, trồng cây xanh, phun sương dập bụi, xây dựng các công trình môi trường, quản lý chất thải nguy hại... theo đúng ĐTM đã được phê duyệt.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

- Tổng số lao động bình quân: 2.215 người.

- Tiền lương bình quân: 9.001.000 đ/người/tháng.

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện đúng quy định của pháp luật về chính sách đối người lao động: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, thực hiện chế độ nghỉ phép, nghỉ dưỡng sức, thăm quan nghỉ mát, nâng lương nâng bậc hàng năm...

- Công ty có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ hàng năm. Tổng số người được đào tạo, nâng cao trình độ là 973 người; tổng chi phí bồi dưỡng, nâng cao trình độ trong năm là 2,089 tỷ đồng.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), Ban Giám đốc Công ty đánh giá từng lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2017 như sau:

##### ***1.1. Công tác tuyên truyền giáo dục:***

Trong năm toàn hệ thống chính trị của Công ty đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho người lao động hiểu rõ và chia sẻ với khó khăn chung của Tập đoàn và của Công ty, đặc biệt là người lao động đã có chuyển biến tích cực về tinh thần chuyên đôi từ lộ thiên sang hầm lò; Công ty đã thực hiện tốt quy chế dân chủ, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, diễn biến tư tưởng của người lao động từ đó có các giải pháp giải quyết kịp thời, phù hợp các kiến nghị của người lao động nên đã giữ vững được an ninh chính trị nội bộ.

##### ***1.2. Công tác điều hành sản xuất, tiêu thụ:***

- Đã đưa lò chợ vào hoạt động và tổ chức thành công lễ đón tân than khai thác đầu tiên, đánh dấu bước ngoặt chuyển đổi từ khai thác than lộ thiên sang khai thác than hầm lò. Kết quả cả năm sản lượng than nguyên khai hầm lò thực hiện 165/150 nghìn tấn, đạt 110% kế hoạch.

- Tổ chức áp dụng thành công công nghệ đào lò chống neo thay cho đào lò chống sắt, cải thiện điều kiện và tăng số ngày làm việc trong tháng cho người lao động dẫn đến giảm số lượng lao động trong hoàn cảnh tuyển dụng lao động hết sức khó khăn. Kết quả thực hiện 2.079,5/900m, đạt 231% kế hoạch.

- Điều hành tiêu thụ: Căn cứ kế hoạch SXKD năm, hàng tháng Công ty cân đối sản xuất, chế biến, đăng ký kế hoạch tiêu thụ than với Tập đoàn theo kế hoạch. Cả năm than tiêu thụ 1.103,7/1.248 nghìn tấn đạt 88 kế hoạch.

##### ***1.3. Quản lý kỹ thuật công nghệ, giải phóng mặt bằng, môi trường:***

Công ty đã tích cực phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm đếm, lập và thẩm định các phương án bồi thường - GPMB; phối hợp với UBND phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung và thành phố Hạ Long giải quyết các kiến nghị của nhân dân, hỗ trợ sửa chữa nhà, công trình, cây cối hoa màu do ảnh hưởng của nổ mìn, mưa bão, cụ thể:

- Dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Béo và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước vùng Hòn Gai và dự án khai thác than hầm lò Núi Béo: Đã GPMB xong cơ bản phía Nam khai trường Vía 11 tạo điều kiện mở rộng khai trường Vía 11 về phía Nam và mở rộng mặt bằng +35 dự án khai thác than hầm lò. GPMB khu vực Tây Nam Khai trường Vía 14 giúp mở rộng khai trường

và giảm tình trạng mất an toàn an ninh khu vực; Dự án di dời 23 hộ dân diện sạt lở đất đá tại tổ 10 khu 4 phường Hà Tu đã GPMB cơ bản xong đang triển khai cải tạo mở rộng mặt bằng; Dự án khu TĐC khe Cá Hà Phong đã GPMB xong tạo điều kiện xây dựng hoàn thiện khu TĐC. Giá trị thực hiện bồi thường năm 2017 dự kiến 11,5/13,7 tỷ bằng 84% kế hoạch điều chỉnh.

- Quản lý bảo vệ môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện đáng kể môi trường sản xuất như: Thuê bổ sung xe tưới đường để thường xuyên tưới nước dập bụi các tuyến đường vận tải than đất và khu vực chế biến than; trồng cây phủ xanh đất trống khu vực đã ngừng khai thác và đổ thải với diện tích phủ xanh năm 2017 là 30,6ha; thuê Công ty TNHH MTV Môi trường-TKV để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.... Tổng giá trị thực hiện năm 2017 là 25.208/25.932 triệu đồng, đạt 97,2% kế hoạch điều chỉnh.

#### **1.4. Quản trị chi phí:**

Ngày 22/12/2016, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2017 theo Quyết định số 3001/QĐ-TKV, Công văn số 6026/TKV-KH về việc thông báo các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2017. Căn cứ vào nội dung các văn bản trên ngay từ đầu năm Công ty đã triển khai nhiều giải pháp quản lý, điều hành nhằm tiết kiệm chi phí, đảm bảo hiệu quả SXKD, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động như: Ban hành mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh; ban hành kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh; Triển khai giao khoán chi phí sản xuất; giao khoán quản trị công nghệ và chi phí sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với Trưởng phòng, Quản đốc....; Hàng tháng rà soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cân đối lại năng lực, hiệu quả kinh doanh, phân tích những việc đã làm được, các vấn đề còn tồn tại, các nguy cơ rủi ro trong SXKD đề ra phương hướng điều hành sản xuất kinh doanh cho những tháng tiếp theo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất.

#### **1.5. Lao động, việc làm và phát triển nguồn nhân lực:**

- Tuyển dụng lao động: Ngay từ đầu năm, Công ty đã rà soát, kiện toàn lại các văn bản pháp lý về tuyển dụng lao động và công khai phổ biến rộng rãi theo quy định. Với quan điểm chỉ đạo chung là hạn chế tối đa việc tuyển dụng lao động quản lý, phục vụ phụ trợ để giảm sức ép về lao động, sau khi kết thúc khai thác lộ thiên; ưu tiên tuyển dụng lao động quản lý, chỉ huy sản xuất, công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, trình độ về nghề mỏ hầm lò.

- Về quản lý lao động: Ngoài việc rà soát và kiện toàn các văn bản pháp lý, Công ty đã tăng cường các biện pháp quản lý và kiểm tra, thường xuyên nhắc nhở, duy trì nghiêm kỷ luật lao động, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm kỷ luật nội quy lao động nên đã duy trì nề nếp, tác phong công nghiệp và nâng cao được ý thức của người lao động.

- Công ty đã triển khai thực hiện Chỉ thị liên tịch số 102/CTLĐTGD-ĐTKV ngày 25/05/2017 của Tập đoàn về việc: Tiếp tục tái cơ cấu lực lượng lao động bằng nhiều giải pháp và đã thành lập Ban chỉ đạo tái cơ cấu, trình Tập đoàn đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017 - 2020 theo nội dung công văn số

2491/TKV-TCNS ngày 01/6/2017 và công văn số 4399/TKV-TCNS ngày 18/09/2017 của TKV.

### **1.6. Công tác An toàn - PCCN:**

- Trong năm Công ty đã kiện toàn lại bộ máy làm công tác AT-VSLĐ, thành lập Hội đồng BHLĐ và phân công trách nhiệm thực hiện cho từng thành viên trong Hội đồng; xây dựng và thực hiện tốt chương trình hoạt động hưởng ứng tháng Quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN lần thứ 18; triển khai ký cam kết thực hiện nhiệm vụ AT-VSLĐ-PCCN đến từng người lao động; phối hợp với Công ty Cổ phần Than Hà Tu và Công ty Cổ phần Than Hà Lâm trong công tác AT-VSLĐ; đặc biệt quan tâm chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra đôn đốc công tác cảnh báo, dự báo đề phòng tai nạn, sự cố rủi ro có khả năng xảy ra trong sản xuất.

- Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác AT-VSLĐ của Công ty vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: Ý thức chấp hành nội quy an toàn của một bộ phận cán bộ công nhân chưa cao, còn vi phạm quy trình, quy phạm gây thiệt hại kinh tế; mạng lưới an toàn vệ sinh viên chưa phát huy hết vai trò và tác dụng của hệ thống; việc ghi chép sổ sách theo dõi, quản lý công tác AT-VSLĐ của một số đơn vị chưa được chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu quản lý, công tác dự báo, cảnh báo các nguy cơ tai nạn sự cố trong ca cần phải làm tốt hơn nữa...

### **1.7. Công tác An ninh trật tự:**

Với đặc điểm khai trường năm sen kẽ các cụm dân cư của các phường trên địa bàn, công tác giữ gìn an ninh trật tự luôn được Công ty quan tâm, chủ động xây dựng các phương án bảo vệ nội bộ, bảo vệ ANTT cho hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 13/12/2016 Công ty đã ban hành Chỉ thị số 4984/CT-VNBC về việc chỉ đạo các phòng, đơn vị triển khai các mặt công tác bảo vệ ANTT năm 2017, đồng thời ban hành các phương án, quyết định triển khai công tác bảo vệ năm 2017, cụ thể:

- Ban hành và tổ chức thực hiện tốt phương án phối hợp bảo vệ ANTT, an toàn trong quá trình giao, nhận và vận chuyển than tiêu thụ; phương án bảo vệ ANTT, quản lý tài nguyên ranh giới mỏ và các quyết định, chỉ thị nhằm bảo vệ tốt ANTT, tài nguyên, ranh giới mỏ.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các phường trên địa bàn, các cơ quan chức năng của thành phố Hạ Long kiểm tra, phát hiện, xử lý và ngăn chặn có hiệu quả các điểm khai thác than trái phép.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Tình hình tài sản:**

- Tổng tài sản (01/01/2017): 1.896.154.360.222 đ

- Tổng tài sản (31/12/2017): 2.708.304.820.790 đ

- Tài sản tăng trong năm 2017: 812.150.460.568 đ. Trong đó mức tăng chủ yếu tập trung vào các khoản mục hàng tồn kho; Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

- Nợ xấu phải thu: 31.000.000 đ, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản nợ này.

- Tài sản xấu ảnh hưởng đến SXKD: Không

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả (01/01/2017): 1.474.628.868.582 đ

- Nợ phải trả (31/12/2017): 2.227.249.040.110 đ

- Nợ phải trả tăng trong năm 2017: 752.620.171.528 đ. Chủ yếu là do tồn kho năm 2017 tăng cao dẫn đến dư vay ngắn hạn của Công ty tăng; vay dài hạn tăng do giải ngân thực hiện dự án hầm lò 629 tỷ đồng.

- Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải trả, thường xuyên kiểm soát thời hạn thanh toán với khách hàng. Trong năm Công ty không để xảy ra tình trạng nợ phải trả quá hạn, tình hình tài chính của Công ty đủ đáp ứng được các khoản nợ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về công tác chỉ đạo: Công ty tiếp tục rà soát và thực hiện quyết định số 2095/QĐ-TKV ngày 25/9/2014 của TKV về việc bố trí, sắp xếp lại các phòng ban tham mưu thuộc các Công ty sản xuất than; Chỉ thị Liên tịch số 51 CTLT/TGD-CDTKV ngày 22/3/2016 của Tổng giám đốc và Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động của TKV...;

- Về kết quả thực hiện: Công ty đã sắp xếp lại các phòng ban tham mưu đảm bảo số đơn vị phòng ban trong Công ty phù hợp với mô hình mẫu; thực hiện sửa đổi ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ như: Quy chế Quản lý Vật tư, Quy chế Quản lý Lao động Tiền lương của HĐQT... cho phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty và các quy định của pháp luật...

## 4. Kế hoạch SXKD năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Bóc đất đá lộ thiên	1.000 M <sup>3</sup>	3.825	
2	Đào lò tổng số	m	7.500	
-	Đào lò CBSX	"	2.300	
-	Đào lò XDCB	"	5.200	
3	Than nguyên khai sản xuất	1.000 Tấn	850	
-	Lộ thiên	"	450	
-	Hầm lò	"	400	
4	Than sạch sàng tại mỏ	1.000 Tấn	1.248	
-	Than sạch từ than NK	"	748	
-	Than sạch từ SPNT	"	500	
5	Than tiêu thụ	1.000 Tấn	1.398	
6	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.261	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
7	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.913	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30	
9	Lao động định mức	Người	2.595	
10	Tiền lương bình quân theo lao động định mức	1.000đ/ng/ tháng	9.330	
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:** Được trình bày ở mục 1 phần II)

##### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc**

Với vai trò được HĐQT giao trực tiếp điều hành hoạt động, Ban Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm thực hiện và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Kịp thời triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình;

- Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán công trình được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đề ra.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT Công ty**

a) Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng theo đúng kế hoạch, chuyển Công ty từ khai thác than lộ thiên sang sản xuất than hầm lò.

b) Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất lộ thiên theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

c) Triển khai thực hiện cơ chế đặc thù của Công ty trong giai đoạn chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phê duyệt, trong đó có việc chuẩn bị kỹ về nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty. Xây dựng và ban hành lại Quy chế tuyển dụng lao động, tập trung tuyển đủ số lao động hầm lò theo phương án tổ chức sản xuất giai đoạn 2017-2020.

d) Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

e) Giữ giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

f) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược vừa khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng công trình dự án hầm lò để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

g) Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỹ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

h) Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

#### IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

##### 1. Hội đồng Quản trị

###### 1.1. Về cơ cấu nhân sự... HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Trong năm 2017, HĐQT Công ty có sự thay đổi nhân sự như sau:

a) Từ ngày 01/01/2017 – 03/04/2017: Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	0	0%
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	6.061	0,02%
4	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên HĐQT	0	0%

b) Từ ngày 03/4/2017 – 14/12/2017: Nhân sự HĐQT có sự thay đổi: Ông Nguyễn Văn Dậu thôi giữ chức CT HĐQT, thôi tham gia HĐQT; Ông Phạm Công Hương – người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	0	0%
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	6.061	0,02%
4	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên HĐQT	0	0%

c) Từ ngày 14/12/2017 – 25/12/2017: HĐQT còn 03 thành viên do ông Nguyễn Quang Quyền và ông Nguyễn Trọng Hiền có đơn gửi đến trụ sở chính của Công ty, xin thôi tham gia HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT		0%
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT		0%
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	6.061	0,02%

d) Từ ngày 25/12/2017 đến ngày 31/12/2017: HĐQT bầu bổ sung thêm ông Trần Quốc Tuấn và bà Trương Thúy Mai vào HĐQT.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	0	0%
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	6.061	0,02%
4	Trần Quốc Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Trương Thúy Mai	Ủy viên HĐQT	2.118	0,01%

### 1.2. Các cuộc HĐQT:

Hội đồng Quản trị được Đại hội Cổ đông giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Năm 2017, HĐQT Công ty đã tổ chức 28 phiên họp chủ yếu trong 06 lĩnh vực quản lý, điều hành sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó phân ra:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Giám sát, quản lý điều hành SXKD...	11		6	2	3
2	Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò	8	3	1	3	1
3	Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ	25	3	7	4	11
4	Lao động tiền lương, chế độ chính sách...	7	6	1		
5	Ban hành các quy chế quản lý nội bộ	6		3	1	2
6	Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông...	11		2	3	6
	<b>Cộng</b>	<b>68</b>	<b>12</b>	<b>20</b>	<b>13</b>	<b>23</b>

(Chi tiết nội dung các cuộc họp của HĐQT được đề cập tại báo cáo quản trị Công ty năm 2017).

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban của HĐQT:  
Không

### 2. Ban kiểm soát

#### 2.1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và không có sự thay đổi nhân sự trong năm.

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Chu Duy Hải	Người đại diện phần vốn TKV giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Tiến Nhung	Người đại diện TKV giữ chức vụ UV BKS	6.061	0,02%
3	Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên BKS	2.118	0.01%

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Năm 2017, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích

Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD năm 2017: Dự kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	269,2	-	269,2	
2	Ban Kiểm soát	3	490,2	394,2	96,0	
3	Ban Giám đốc	6,2	2.469,2	2.469,2	-	
	<b>Tổng số</b>	<b>14,2</b>	<b>3.228,6</b>	<b>2.863,4</b>	<b>365,2</b>	

#### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

#### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

#### 3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2017 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và của các cổ đông.


## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến của kiểm toán (Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 060318.001/BCTC.QN ngày 06/03/2018 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):


“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than

Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định và đã đăng tải báo cáo tài chính trên Website: [www.nuibeo.com.vn](http://www.nuibeo.com.vn).

Xin trân trọng cảm ơn! 

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
- ĐK – CNTT (đăng Website Công ty);
- HĐQT, BKS (ecopy);
- GD, PGD, KTT (ecopy);
- ĐU, CD, ĐTN (ecopy);
- Lưu: Văn thư, BKS, HĐQT (3). 



  
**Phạm Công Hương**